TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15/9/2023.
V/v: "*Tranh chấp ly hôn*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Liên
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Sơn
Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa***: Bà Hồ Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 598/2022/TLST-HNGĐ ngày 11/10/2022 về việc "*Tranh chấp ly hôn*".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 102/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Trần Trung Th, sinh năm: 1989.
Địa chỉ: Số 38/17 PBC, Phường x, thành phố Đà Lạt.
- *Bị đơn*: Chị Huỳnh Bích V, sinh năm: 1991.
Địa chỉ: Số 32 B NCT, Phường y, thành phố Đà Lạt.
Hiện đang thụ án tại Đội x phân trại số y, Trại giam XL, huyện LK, tỉnh Đồng Nai.

(Anh Th có mặt, chị V có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/9/2022 và lời khai của nguyên đơn anh Trần Trung Th trình bày:

Anh và chị kết hôn năm 2016 trên cơ sở tự nguyện nhưng không tổ chức lễ cưới và được Ủy ban nhân dân Phường y, thành phố Đà Lạt cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 05/5/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống với nhau hạnh phúc. Trước khi chị V bị bắt về tội mua bán trái phép chất ma túy vợ

chồng anh đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nhiều lần vợ chồng đã ngồi lại cùng nhau để tìm phương hướng giải quyết với mong muốn hàn gắn tình cảm nhưng không được. Đến năm 2017 chị V bị bắt thì mâu thuẫn của anh chị vẫn chưa được giải quyết và kéo dài tới tận nay.

Nay vợ chồng không còn cảm thấy hạnh phúc, không còn tôn trọng nhau. Nếu kéo dài cuộc hôn nhân như hiện nay, sẽ làm tổn thương đến nhau, ảnh hưởng đến tinh thần và những người thân trong gia đình.

Nay anh xác định không còn tình cảm với chị V nên đề nghị ly hôn.

Vợ chồng có 01 con chung là Trần Nhật D, sinh ngày 22/5/2016. Khi ly hôn anh có nguyện vọng nuôi con chung và không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai của chị V đề ngày 24/7/2023, chị V trình bày thì:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Th kết hôn kết hôn năm 2016 có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân Phường y, thành phố Đà Lạt. Hôn nhân do hai bên tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống hạnh phúc và không có mâu thuẫn gì cho đến năm 2017, thì chị bị bắt về tội mua bán trái phép chất ma tuý. Anh Th vẫn đi thăm chị nhưng đến năm 2018 anh Th bị bắt đi cai nghiện. Sau khi anh Th đi cai nghiện về thì chị có liên lạc với anh Th trong thời gian ngắn là 04 tháng và anh Th đã cắt đứt liên lạc với chị cho đến nay. Nguyện vọng của chị là đồng ý ly hôn sau thời gian chị đã chấp hành xong án phạt tù để chị được đảm bảo các quyền và lợi ích của một công dân bình thường.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Trần Nhật D, sinh ngày 22/5/2016. Hiện tại con chung đang sống với mẹ chồng tại địa chỉ số 38/17 PBC, Phường x, thành phố Đà Lạt. Sau khi chị chấp hành xong án phạt tù và ly hôn, chị có nguyện vọng là người nuôi con và anh Th sẽ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Mức cấp dưỡng tùy theo thời giá (đến lúc ra tòa ly hôn).

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Th vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với chị V. Về con chung: Anh Th đề nghị được nuôi dưỡng con chung là Trần Nhật D, sinh ngày 22/5/2016 cho đến khi con trưởng thành và không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi

thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Trung Th. Về con chung: Giao con chung là Trần Nhật D, sinh ngày 22/5/2016 cho nguyên đơn anh Th trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con anh Th không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn anh Trần Trung Th và chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường y, thành phố Đà Lạt. Nay anh Th có đơn yêu cầu được ly hôn với chị V; bị đơn có hộ khẩu thường trú tại Phường y, thành phố Đà Lạt. Vì vậy, cần xác định quan hệ tranh chấp là: "*Tranh chấp ly hôn"* và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với bị đơn chị V đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án và chị V đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án theo quy định chung.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của anh Trần Trung Th thì thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Th và chị V kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật Việt Nam và đã được Ủy ban nhân dân Phường y, thành phố Đà Lạt cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 05/5/2016. Quan hệ hôn nhân giữa anh Th và chị V là có trên thực tế và hai người đã có 01 con chung Trần Nhật D.

Theo anh Th thì vợ chồng chỉ hạnh phúc một thời gian ngắn, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau về cách sống, chị V ham chơi bỏ bê chồng con nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, đến năm 2017 chị V bị bắt đi chấp hành bản án 12 năm tù về tội mua bán trái phép chất ma tuý thì mâu thuẫn vợ chồng chưa được giải quyết và kéo dài cho đến nay.

Xét thấy, theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.."*.

Quá trình giải quyết vụ án, chị V trình bày không đồng ý ly hôn nhưng chị cũng không có giải pháp gì để giúp vợ chồng hàn gắn tình cảm. Mặt khác, bản thân chị V hiện đang chấp hành hình phạt là 12 năm tù; thời hạn tù tính từ ngày 19/4/2017.

Theo biên bản xác minh ngày 18/8/2023 (bút lục số 40) và ngày 23/8/2023 (bút lục số 41) thì: Mâu thuẫn hôn nhân của vợ chồng anh Th, chị V từ trước đến nay không báo lên Uỷ ban và cũng không yêu cầu Uỷ ban tiến hành hoà giải nên Uỷ ban không biết và cũng không tiến hành hoà giải mâu thuẫn của vợ chồng. Về con chung, tài sản chung, nợ chung của vợ chồng anh Th, chị V thì Uỷ ban không nắm rõ.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy, tình trạng hôn nhân giữa anh Th và chị V đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không có, do đó anh Th yêu cầu được ly hôn với chị V là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về con chung:

Anh Th và chị V đều xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Trần Nhật D, sinh ngày 22/5/2016. Khi ly hôn thì anh Th có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con chung. Chị V cũng có nguyện vọng nuôi con và yêu cầu anh Th sẽ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, mức cấp dưỡng tùy theo thời giá (đến lúc ra tòa ly hôn).

Xét thấy, hiện con chung đang ở với anh Th, nguyện vọng của cháu Duy cũng muốn ở với anh Th. Còn chị V hiện đang chấp hành án tại Đội x phân trại số y, Trại giam XL, huyện LK, tỉnh Đồng Nai không có điều kiện để trực tiếp chăm sóc con chung.

Do vậy, để đảm bảo cho việc chăm sóc, nuôi dạy con chung trưởng thành, không làm xáo trộn nơi ở, môi trường sinh sống từ trước tới nay của con chung nên Hội đồng xét xử cần giao con chung là Trần Nhật D, sinh ngày 22/5/2016 cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp.

Anh Th không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con; Quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Th và chị V đều xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để tuyên xử theo hướng nhận định nêu trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Nguyên đơn anh Th phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 19, 55, 56, 57, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Trung Th về việc *"Tranh chấp ly hôn"* với đối với bị đơn chị Huỳnh Bích V. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn anh Trần Trung Th và bị đơn chị Huỳnh Bích V được ly hôn.

2. Về con chung:

Giao con chung Trần Nhật D, sinh ngày 22/5/2016 cho anh Trần Trung Th trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi;

Quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con; Quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí:

Nguyên đơn anh Trần Trung Th phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp thay theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002227 ngày 11/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Trần Trung Th có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Riêng chị Huỳnh Bích V vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án./.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 - Luật Thi hành án

dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND TP. Đà Lạt;
- Chi cục THADS TP. Đà Lạt;
- UBND P.y, TP. Đà Lạt;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Dương Thị Liên